PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SÁNG TẠO CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH MĨ THUẬT

VŨ THỊ ĐỨC HẠNH
NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG
Trường Đại học Tây Bắc

Nhận bài ngày 25/6/2025. Sửa chữa xong 05/7/2025. Duyệt đăng 09/7/2025.

Abstract

Students of Early Childhood Education at Tay Bac University still show limitations in independent thinking and the ability to generate creative ideas. The university has implemented various solutions, such as designing open-ended modules, innovating teaching methods, enhancing real-life experiences, creating an open learning environment, and organizing art competitions. These activities have helped stimulate artistic thinking, personal expression, and students' creative spirit. The article affirms that art practice is an effective tool in developing creative capacity for future preschool teachers a direction well-aligned with the demands of educational innovation in the context of global integration.

Keywords: *Competence, creativity, creative capacity, students, early childhood education, art practice.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, phát triển năng lực (PTNL) sáng tạo trở thành một trong những mục tiêu trọng tâm của ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) giúp sinh viên (SV) có khả năng thích ứng và đổi mới trong thực tiễn sư phạm. Mĩ thuật với vai trò là phương tiện thể hiện cảm xúc và tư duy đa chiều, được xem là công cụ hiệu quả để kích thích khả năng sáng tạo ở SV [1]. Các hoạt động mĩ thuật giúp SV không chỉ rèn luyện kĩ năng tạo hình mà còn phát triển tư duy phê phán, kĩ năng giải quyết vấn đề và tự tin thể hiện bản thân [2]. Trường Đại học Tây Bắc là cơ sở đào tạo uy tín trong lĩnh vực sư phạm GDMN khu vực Tây Bắc. Nhà trường có nhiều điều kiện thuận lợi để triển khai các hoạt động mĩ thuật mang tính ứng dụng cao, phù hợp với đặc điểm SV miền núi. Tuy nhiên, thực tế khảo sát cho thấy một khoảng cách giữa lí thuyết mĩ thuật và năng lực sáng tạo thực tiễn của SV, gây hạn chế trong việc đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và sáng tạo nghệ thuật [3]. Bài báo phân tích và đánh giá các hoạt động thực hành mĩ thuật nhằm PTNL sáng tạo ở SV ngành GDMN, Trường Đại học Tây Bắc. Trên cơ sở đó đề xuất một số kinh nghiệm cụ thể, khả thi để tăng cường PTNL sáng tạo cho SV ngành GDMN, Trường Đại học Tây Bắc thông qua hoạt động thực hành mĩ thuật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lí luận về năng lực sáng tạo của sinh viên

Năng lực sáng tạo được hiểu là khả năng đưa ra các ý tưởng mới mẻ, có giá trị, được hình thành qua cách thức giao thoa giữa con người, bối cảnh và nhiệm vụ. Trong giáo dục, nghệ thuật, đặc biệt mĩ thuật được xác định là công cụ quan trọng để nuôi dưỡng năng lực này nhằm rèn kĩ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và thể hiện bản sắc cá nhân [4]. Năng lực sáng tạo được chia thành nhiều cấp độ: từ sáng tạo cá nhân, sáng tạo ở mức chuyên gia đến sáng tạo có ảnh hưởng lớn [5]. Đối với SV ngành GDMN, năng lực sáng tạo chủ yếu tập trung ở mức độ cá nhân và sáng tạo ở mức chuyên gia, thể hiện qua khả năng tạo ra hoạt động học tập hấp dẫn, thiết kế môi trường giáo dục thẩm mĩ cũng như ứng

Email: hanhvtd@utb.edu.vn

biến linh hoạt trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục nghệ thuật cho trẻ. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu gần đây tiếp cận năng lực sáng tạo như một năng lực toàn cầu cần thiết trong thế kỷ XXI. Tổ chức OECD (2019) đã xác định sáng tạo là một trong những năng lực cốt lõi của công dân toàn cầu, cần được phát triển từ sớm trong giáo dục, đặc biệt thông qua các môn học nghệ thuật như mĩ thuật, âm nhạc, sân khấu [6]. Năng lực sáng tạo thường bao gồm ba yếu tố cơ bản: 1) Tư duy linh hoạt – khả năng nhìn vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau; 2) Tư duy độc lập - dám đặt câu hỏi, đưa ra ý tưởng riêng; 3) Năng lực thể hiện sáng tạo - khả năng cụ thể hóa ý tưởng bằng sản phẩm hoặc hành động. Trong môi trường đào tạo giáo viên mầm non (GVMN), việc PTNL này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp SV không chỉ hoàn thành nhiệm vụ sư phạm mà còn góp phần đổi mới phương pháp giáo dục trẻ một cách hiệu quả, sinh động.

2.2. Vai trò của hoạt động mĩ thuật trong phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên

Hoạt động mĩ thuật với tính chất đặc thù là sự kết hợp giữa cảm xúc, tư duy hình tượng và kĩ năng biểu đạt, đóng vai trò quan trọng trong việc PTNL sáng tạo cho người học nói chung và SV ngành GDMN nói riêng. Cụ thể:

2.2.1. Mĩ thuật là phương tiện biểu đạt tư duy sáng tạo và cảm xúc cá nhân

Thông qua hoạt động tạo hình như vẽ, nặn, cắt dán, SV có cơ hội tự do thể hiện ý tưởng, cảm xúc và góc nhìn riêng về thế giới xung quanh. Quá trình hiện thực hóa ý tưởng bằng hình ảnh đòi hỏi sự huy động đồng thời của trí tưởng tượng, tư duy trực quan và kĩ năng vận động tinh, từ đó kích thích sự phát triển của tư duy sáng tạo.

2.2.2. Mĩ thuật thúc đẩy tư duy linh hoạt và khả năng giải quyết vấn đề

Trong quá trình thực hành mĩ thuật, SV thường phải lựa chọn chất liệu, xử lí bố cục, phối hợp màu sắc và hình khối. Những tình huống bất ngờ phát sinh trong sáng tạo nghệ thuật đòi hỏi người học phải có khả năng linh hoạt thích ứng và đưa ra các giải pháp mang tính cá nhân, đây chính là biểu hiện điển hình của tư duy sáng tạo.

2.2.3. Mĩ thuật góp phần hình thành và củng cố sự tự tin trong thể hiện sáng tạo

Sản phẩm mĩ thuật không có đáp án "đúng - sai" tuyệt đối mà phản ánh quan điểm và cá tính của người sáng tạo. Do đó, khi SV được khuyến khích trình bày ý tưởng của mình mà không lo bị phán xét, họ có điều kiện rèn luyện sự tự tin và tinh thần đổi mới – những yếu tố quan trọng trong cấu thành năng lực sáng tạo.

2.2.4. Mĩ thuật tạo điều kiện cho việc rèn luyện khả năng hợp tác và tư duy liên ngành

Nhiều hoạt động mĩ thuật hiện nay được tổ chức theo hướng tích hợp với các lĩnh vực khác như âm nhạc, ngôn ngữ, khoa học và công nghệ (STEAM). Thông qua việc làm việc nhóm trong các dự án nghệ thuật, SV phát triển khả năng trao đổi, hợp tác và giải quyết vấn đề chung, góp phần nâng cao năng lực sáng tạo trong môi trường giáo dục liên ngành.

2.2.5. Mĩ thuật phù hợp với đặc điểm của đào tạo giáo viên mầm non

Với đặc thù ngành GDMN, SV không chỉ cần sáng tạo trong cách tổ chức hoạt động cho trẻ mà còn phải biết cách truyền cảm hứng nghệ thuật và khơi gợi óc tưởng tượng ở trẻ. Việc SV được trực tiếp trải nghiệm và thực hành các kĩ thuật mĩ thuật đa dạng sẽ giúp họ hình thành nền tảng vững chắc để sáng tạo trong quá trình dạy học sau này.

2.3. Thực trạng năng lực sáng tạo của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

Để đánh giá thực trạng năng lực sáng tạo của SV ngành GDMN tại Trường Đại học Tây Bắc thông qua hoạt động thực hành mĩ thuật, tác giả đã tiến hành khảo sát trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2025. Đối tượng khảo sát gồm 50 SV năm thứ 2 và năm thứ 3 ngành GDMN cùng với 3 giảng viên (GV) giảng dạy học phần Mĩ thuật. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính kết hợp định lượng, bao gồm: điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, quan sát tiết học và phân tích sản phẩm học tập (bài thực hành mĩ thuật). Kết quả khảo sát được tổng hợp như sau:

- *Về tư duy sáng tạo:* Chỉ có 18% SV thường xuyên chủ động đề xuất ý tưởng mới, có tính đột phá trong quá trình thực hành mĩ thuật. Khoảng 46% SV cho biết thỉnh thoảng có ý tưởng mới nhưng chưa rõ ràng, thường vẫn phụ thuộc vào mẫu hoặc hướng dẫn có sẵn. Đáng chú ý, 36% SV cho biết họ gặp khó khăn

trong việc nảy sinh ý tưởng và thường sao chép lại hình mẫu từ tài liệu học hoặc bài giảng. Điều này cho thấy tư duy sáng tạo - một yếu tố cốt lõi trong cấu trúc năng lực sáng tạo – vẫn còn hạn chế ở đa số SV.

- Về khả năng thể hiện ý tưởng cá nhân thông qua sản phẩm tạo hình: Có 22% SV tạo ra sản phẩm mang dấu ấn cá nhân rõ nét, thể hiện sự lựa chọn màu sắc, bố cục và hình ảnh độc lập, sáng tạo. Trong khi đó, 54% SV có sản phẩm ở mức trung bình - có sự đầu tư nhất định nhưng vẫn còn lặp lại mô thức quen thuộc. 24% còn lại thể hiện yếu ở khía cạnh cá nhân hóa sản phẩm, khi sản phẩm gần như giống mẫu, thiếu dấu hiệu sáng tạo và chủ đích thẩm mĩ riêng.

- Về khả năng vận dụng sáng tạo trong thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục mĩ thuật cho trẻ: Chỉ 16% SV đạt mức tốt, thể hiện qua việc biết kết hợp nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động một cách linh hoạt, sáng tạo. 48% SV thiết kế hoạt động ở mức trung bình, nội dung còn đơn điệu, chưa có tính mới. Có tới 36% SV chưa biết cách tổ chức hoạt động mĩ thuật theo hướng phát huy tính sáng tạo ở trẻ mầm non, thường lúng túng khi lựa chọn kĩ thuật, chất liệu và phương pháp hướng dẫn.

Kết quả phỏng vấn 3 GV mĩ thuật cho thấy: 100% GV nhận định SV có nền tảng kĩ thuật tạo hình ở mức khá, song còn thiếu tự tin và chủ động trong biểu đạt ý tưởng. 4/5 GV cho rằng SV chưa có thói quen tư duy độc lập trong sáng tạo, nguyên nhân chủ yếu do việc tiếp cận còn nặng về kĩ thuật và thiếu môi trường khuyến khích tư duy nghệ thuật cá nhân. Ngoài ra, việc SV ít được tham gia hoạt động triển lãm, phản biện nghệ thuật hoặc học qua dự án cũng làm hạn chế khả năng thể hiện sáng tạo. Từ kết quả khảo sát có thể thấy, năng lực sáng tạo của SV ngành GDMN tại Trường Đại học Tây Bắc thông qua hoạt động thực hành mĩ thuật hiện còn ở mức trung bình, chưa thực sự phát triển đồng đều ở các thành tố. Trong đó, điểm yếu chính nằm ở tư duy độc lập, khả năng khởi tạo ý tưởng mới và kĩ năng vận dụng sáng tạo vào thiết kế hoạt động giáo dục cho trẻ. Điều này đòi hỏi cần có những đổi mới trong phương pháp giảng dạy, cách thức tổ chức học phần và tạo lập môi trường thực hành nghệ thuật nhằm phát triển toàn diện năng lực sáng tạo cho SV.

2.4. Kinh nghiệm của Trường Đại học Tây Bắc nhằm phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc thông qua hoạt động thực hành mĩ thuật

Nhận thức được vai trò then chốt của năng lực sáng tạo trong chương trình đào tạo GVMN, Trường Đại học Tây Bắc đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức hoạt động thực hành mĩ thuật theo định hướng PTNL, lấy người học làm trung tâm. Trong quá trình triển khai, nhà trường và đội ngũ GV đã tích lũy được một số kinh nghiệm thiết thực, góp phần khơi dậy và phát triển tư duy nghệ thuật, khả năng biểu đạt cá nhân và tính sáng tạo trong thực hành sư phạm cho SV. Một số kinh nghiệm tiêu biểu có thể kể đến như sau:

2.4.1. Thiết kế nội dung học phần theo hướng mở, khuyến khích phát triển ý tưởng cá nhân

Trường Đại học Tây Bắc đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và cập nhật nội dung học phần Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình theo định hướng PTNL, đặc biệt chú trọng đến năng lực sáng tạo cá nhân của SV. Chương trình mới thay thế cách tiếp cận dạy học theo mô hình khuôn mẫu bằng hệ thống chủ đề mở, linh hoạt, không ràng buộc về kĩ thuật, chất liệu hay hình thức thể hiện. Trong mỗi bài thực hành, SV được tự do lựa chọn cách triển khai ý tưởng, chất liệu phù hợp với sở thích và thế mạnh cá nhân, bao gồm cả vật liệu tự nhiên, tái chế và công nghệ. GV được khuyến khích đóng vai trò định hướng thay vì cung cấp mẫu cố định, tạo điều kiện để SV phát huy tư duy độc lập và sự tự tin sáng tạo. Chẳng hạn, với chủ đề "Sáng tạo đồ dùng trực quan cho trẻ mẫu giáo lớn", thay vì yêu cầu làm theo mẫu, GV chỉ đưa ra mục tiêu mở: thiết kế sản phẩm giúp trẻ 5-6 tuổi nhận biết màu sắc, hình khối hoặc cảm xúc. SV từ đó chủ động phát triển ý tưởng và sử dụng vật liệu sẵn có để tạo ra các sản phẩm đa dạng như: bảng cảm xúc bằng giấy nỉ, bộ thẻ màu tự thiết kế, hay mô hình tương tác từ que kem, bìa cứng…

Kết quả khảo sát năm học 2024-2025 cho thấy, 64% sản phẩm có dấu ấn cá nhân rõ nét tăng gần 20% so với năm học trước. Trong phỏng vấn sâu với 10 SV sau học phần, 80% cho biết hào hứng hơn với bài học, 76% cảm thấy tự tin hơn khi phát triển ý tưởng sáng tạo cho hoạt động GDMN. Đặc biệt, nhiều sản phẩm tiêu biểu đã được trưng bày tại các hội thi cấp khoa, cấp trường, góp phần thúc đẩy phong trào sáng tạo trong toàn khóa học. Những đổi mới trong nội dung học phần không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà còn tạo môi trường học tập tích cực, khơi dậy và phát huy tối đa tiềm năng nghệ thuật cá nhân của SV.

2.4.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động thực hành mĩ thuật, Trường Đại học Tây Bắc đã chỉ đạo Khoa chuyên môn đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng PTNL người học. Các phương pháp truyền thụ một chiều dần được thay thế bằng những phương pháp tích cực như dạy học theo dự án, học qua trải nghiệm, học hợp tác, đóng vai và phản biện sáng tạo. Trong các tiết học thực hành, GV không chỉ cung cấp kiến thức về kĩ thuật tạo hình, mà còn thiết kế các nhiệm vụ đòi hỏi SV phải vận dụng tư duy độc lập để đưa ra giải pháp sáng tạo. Chẳng hạn, trong bài "Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non theo chủ đề", SV được chia nhóm, chủ động lựa chọn chủ đề (mùa xuân, gia đình, con vật, cảm xúc...) và xây dựng kế hoạch tổ chức kèm theo sản phẩm minh họa. GV đóng vai trò hướng dẫn, khuyến khích các nhóm trao đổi, điều chỉnh và hoàn thiện ý tưởng phù hợp với đặc điểm tâm lí trẻ. Bên cạnh hoạt động nhóm, GV còn triển khai học qua dự án cá nhân. Ví dụ, SV được giao nhiệm vụ "Thiết kế hoạt động mĩ thuật tích hợp phát triển tư duy cho trẻ 5 tuổi" từ đó tự lựa chọn kĩ thuật, vật liệu, nội dung và hình thức tổ chức. Sản phẩm được trình bày trước lớp, đánh giá chéo và phản hồi theo các tiêu chí: tính sáng tạo, tính khả thi, và mức độ phù hợp với trẻ mầm non. Kết quả khảo sát cho thấy, 92% SV nhận thấy bài học hấp dẫn hơn; 78% SV cho biết được rèn luyện tư duy sáng tạo và độc lập; hơn 60% bước đầu hình thành kĩ năng tổ chức hoạt động mĩ thuật có yếu tố sáng tạo cho trẻ. GV cũng đánh giá SV tích cực hơn trong trao đổi học thuật, thể hiện rõ khả năng hợp tác và trình bày ý tưởng cá nhân. Như vậy, đổi mới phương pháp dạy học đã góp phần nâng cao hiệu quả thực hành mĩ thuật, đồng thời tạo nền tảng quan trọng để PTNL sáng tạo toàn diện cho SV trong quá trình đào tạo GVMN

2.4.3. Tăng cường tổ chức hoạt động trải nghiệm thực tế, gắn lí thuyết với thực hành

Một trong những giải pháp nổi bật mà Trường Đại học Tây Bắc triển khai nhằm PTNL sáng tạo cho SV ngành GDMN là tăng cường hoạt động học tập trải nghiệm, gắn học với hành. Thông qua khoa chuyên môn, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng học kỳ, trong đó dành một phần thời lượng học phần Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình để tổ chức các buổi học ngoài lớp học truyền thống. Cụ thể, GV đã tổ chức cho SV tham gia vẽ ngoài trời, quan sát cảnh vật tự nhiên trong khuôn viên trường hoặc tại một số địa điểm như công viên, nhà văn hóa. SV mang theo vật liệu tạo hình, tự chọn chủ đề và thể hiện cảm nhận cá nhân. Việc vẽ từ quan sát thực tế không chỉ giúp rèn luyện kĩ năng thị giác mà còn khơi gợi cảm hứng sáng tạo từ thiên nhiên và cuộc sống. Bên cạnh đó, GV khuyến khích SV sử dụng vật liệu tự nhiên và tái chế như lá cây, sỏi, giấy báo, vỏ hộp… để làm tranh ghép, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ mầm non. Qua đó, SV phát triển tư duy sáng tạo ứng dụng từ chất liệu gần gũi, thân thiện với môi trường - yếu tố thiết thực trong GDMN hiện đại. Một số nhóm SV còn được tham gia kiến tập thực tế tại các cơ sở mầm non trên địa bàn TP. Sơn La. Tại đây, các em quan sát hoạt động tạo hình do GV tổ chức, sau đó đề xuất và thực hành tổ chức hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV và GVMN. Đây là dịp quan trọng để SV kiểm nghiệm khả năng vận dụng sáng tạo trong môi trường thực tế. Kết quả khảo sát cho thấy, 85% SV nhận thấy việc học sinh động và dễ hiểu hơn; 78% SV khẳng định trải nghiệm giúp họ hình thành ý tưởng sáng tạo một cách tự nhiên; 60% SV cho biết có thể áp dụng ngay ý tưởng vào thiết kế bài dạy. Đáng chú ý, sản phẩm của SV trong các buổi học trải nghiệm có tính cá nhân hóa và sáng tạo cao hơn so với lớp học truyền thống. Như vậy, việc tổ chức hoạt động trải nghiệm mĩ thuật đã góp phần kết nối lí thuyết với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi để SV kích hoạt tư duy sáng tạo, hình thành phong cách cá nhân và PTNL nghề nghiệp một cách bền vững.

2.4.4. Xây dựng môi trường học tập cởi mở, hỗ trợ phản hồi sáng tạo

Một trong những yếu tố then chốt góp phần PTNL sáng tạo của SV là môi trường học tập. Nhận thức được điều này, Trường Đại học Tây Bắc đã chú trọng xây dựng không gian học tập mở, cả về vật lí lẫn tinh thần, đặc biệt trong các học phần thực hành mĩ thuật. Trong quá trình giảng dạy, GV Mĩ thuật chuyển từ vai trò "truyền đạt" sang "đồng hành sáng tạo", tạo điều kiện để SV thoải mái trình bày ý tưởng, thử nghiệm hình thức thể hiện đa dạng mà không bị áp lực khuôn mẫu hay chuẩn hóa kết quả. Các buổi học thường bắt đầu bằng hoạt động khơi gợi sáng tạo như: thảo luận nhóm nhỏ về một chủ đề nghệ thuật, quan sát tranh và đặt câu hỏi "Nếu bạn vẽ lại, bạn sẽ thay đổi điều gì?" hoặc trò chơi khởi

động bằng hình ảnh - màu sắc. Trong mỗi buổi thực hành, SV được khuyến khích trưng bày sản phẩm ở góc nhóm - nơi mọi người có thể quan sát, góp ý, nhận xét sản phẩm dù còn dang dở. Cuối giờ, lớp dành 10-15 phút cho hoạt động "chia sẻ ý tưởng" để SV giới thiệu sản phẩm, nêu cảm hứng sáng tạo, quá trình thực hiện và những khó khăn gặp phải. Nhận xét từ bạn học và GV tập trung vào gợi ý phát triển thay vì đánh giá đúng - sai. Ngoài ra, GV còn áp dụng phản biện đôi: mỗi SV được phân công phản hồi sản phẩm của một bạn khác dựa trên phiếu phản hồi với tiêu chí cụ thể như: mức độ sáng tạo, khả năng biểu đạt, cách xử lí chất liệu và tính phù hợp với mục tiêu sư phạm. Hoạt động này giúp SV phát triển tư duy đánh giá và làm phong phú thêm góc nhìn nghệ thuật cá nhân.

Tổng hợp phản hồi cuối học phần cho thấy, 87% SV cảm nhận lớp học cởi mở, khuyến khích sáng tạo; 72% SV cho rằng hoạt động phản hồi giữa bạn học giúp họ nhận ra điểm mạnh và hạn chế; trên 65% SV tự tin hơn khi trình bày và bảo vệ ý tưởng nghệ thuật trước tập thể. Như vậy, môi trường học tập tích cực, an toàn và có sự phản hồi xây dựng không chỉ thúc đẩy sự phát triển của tư duy phản biện, kĩ năng trình bày mà còn hỗ trợ SV rèn luyện và phát huy năng lực sáng tạo một cách hiệu quả.

2.4.5. Tổ chức các cuộc thi, triển lãm và hoạt động giao lưu nghệ thuật nhằm khuyến khích sáng tạo

Bên cạnh các giờ học chính khóa, Trường Đại học Tây Bắc đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động ngoại khóa mang tính nghệ thuật nhằm mở rộng không gian rèn luyện và phát huy năng lực sáng tạo của SV. Đây không chỉ là sân chơi thực hành kiến thức - kĩ năng đã học trong học phần Mĩ thuật mà còn là cơ hội để thể hiện ý tưởng cá nhân, giao lưu học hỏi và khẳng định bản sắc nghề nghiệp trong môi trường nghệ thuật đa dạng. Hằng năm, Khoa Tiểu học - Mầm non phối hợp với Phòng Công tác SV và các đơn vị liên quan tổ chức nhiều hoạt động như: Cuộc thi sáng tạo đồ dung, đồ chơi từ vật liệu tái chế, Triển lãm tranh SV ngành GDMN, Ngày hội giáo dục nghệ thuật, Tuần lễ SV với GDMN… thu hút đông đảo SV tham gia. Trong các sự kiện này, SV được lựa chọn chủ đề và hình thức thể hiện hoàn toàn tự do, không giới hạn ở các dạng sản phẩm quen thuộc. Đặc biệt, tại Triển lãm tranh và sản phẩm nghệ thuật tổ chức định kỳ mỗi học kỳ, SV có cơ hội trưng bày sản phẩm tiêu biểu trong không gian mở tại Khoa Tiểu học - Mầm non. GV, SV các khoa khác và GVMN đối tác được mời tham quan, góp ý. Hoạt động này đã trở thành truyền thống, giúp SV rèn luyện kĩ năng thuyết trình, tiếp nhận phản hồi và cải tiến sản phẩm một cách sáng tạo. Ngoài ra, nhiều sản phẩm nổi bật còn được lựa chọn tham dự các cuộc thi thiết kế sáng tạo cấp trường, tỉnh như: Hội thi "SV sáng tạo vì trẻ thơ", "Ý tưởng giáo dục nghệ thuật cho trẻ mầm non" hoặc trưng bày tại các diễn đàn giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La phối hợp tổ chức. Việc tạo điều kiện để SV hiện diện ở sân chơi nghệ thuật mở rộng đã khích lệ tinh thần học tập chủ động và nâng cao niềm tin vào khả năng sáng tạo của bản thân. Theo khảo sát nội bộ, 75% SV đánh giá các hoạt động triển lãm và cuộc thi là cơ hội tốt để thể hiện bản thân; 68% học hỏi được nhiều ý tưởng mới từ bạn bè; khoảng 60% khẳng định việc tham gia nghệ thuật công khai giúp nâng cao rõ rệt sự tự tin và động lực sáng tạo trong học phần Mĩ thuật. Như vậy, các hoạt động thi, triển lãm và giao lưu nghệ thuật không chỉ mang tính phong trào mà thực chất là một phần thiết yếu trong quá trình PTNL sáng tạo cho SV ngành GDMN tại Trường Đại học Tây Bắc.

3. Kết luận

Phát triển năng lực sáng tạo cho SV ngành GDMN thông qua hoạt động thực hành mĩ thuật là một hướng đi cần thiết và có tính chiến lược trong đào tạo GV thế hệ mới. Kết quả khảo sát tại Trường Đại học Tây Bắc cho thấy, năng lực sáng tạo của SV còn chưa thực sự đồng đều, đặc biệt hạn chế ở tư duy độc lập, khả năng khởi tạo và cụ thể hóa ý tưởng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới nội dung, phương pháp và môi trường học tập để khơi dậy và phát huy năng lực sáng tạo tiềm ẩn của người học. Từ thực tiễn triển khai, nhà trường đã tích lũy được một số kinh nghiệm quan trọng như: xây dựng học phần theo hướng mở và cá nhân hóa; tổ chức dạy học theo dự án và trải nghiệm; lồng ghép hoạt động ngoài lớp học để tạo cảm hứng sáng tạo; thiết lập không gian học tập cởi mở khuyến khích phản hồi; đồng thời tổ chức các cuộc thi và triển lãm nghệ thuật nhằm lan tỏa tinh thần đổi mới và tự do sáng tạo. Những kinh nghiệm này không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Mĩ thuật mà còn tạo môi trường học tập giàu cảm hứng, khơi dậy tư duy nghệ thuật và tinh thần sáng tạo bền vững cho SV. Có thể khẳng định, thực hành mĩ thuật không đơn thuần là một kĩ năng nghề mà là một phương tiện hiệu quả để hình thành

năng lực sáng tạo, phẩm chất cốt lõi của người GVMN hiện đại. Việc tiếp tục đầu tư nghiên cứu, hoàn thiện mô hình giảng dạy Mĩ thuật theo hướng PTNL là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo GV, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời đại số và hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

[1] Mayar, F. (2022), *Developing children's creativity through the art of crafts (Phát triển sự sáng tạo của trẻ em thông qua nghệ thuật thủ* công), In 6th International Conference of Early Childhood Education (ICECE-6 2021) (Trong Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế lần thứ 6 về Giáo dục Mầm non). Atlantis Press (NXB Atlantis Press), pp. 30-33.

[2] Nguyễn Mạnh Tuấn, Vũ Thị Kiều Trang (2025), *The effectiveness of the 5E-EDP model in STEAM education to develop the creativity of children aged 5-6 in preschool: A quasi-experimental study in Vietnam (Hiệu quả của mô hình 5E-EDP trong giáo dục STEAM nhằm phát triển sự sáng tạo của trẻ 5-6 tuổi trong trường mầm non: Nghiên cứu bán thực nghiệm tại Việt Nam)*, Asia-Pacific Journal of Early Childhood Education Research (Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục Mầm non khu vực Châu Á - Thái Bình Dương), 19(2), 181-207.

[3] Tran Thi Bich Lieu, Ho Thi Nhat, Robert J. Hurle (2016), *Teaching for creativity development: Lessons learned from a preliminary study of Vietnamese and international upper (high) secondary school teachers' perceptions and lesson plans* (*Dạy học nhằm phát triển tư duy sáng tạo: Những bài học rút ra từ nghiên cứu sơ bộ về nhận thức và kế hoạch bài học của giáo viên trung học phổ thông Việt Nam và quốc tế).* Creative Education (Tạp chí Giáo dục Sáng tạo), 7(07), 1024-1043.

[4] Barton, G. (2015), *Arts-Based Educational Research in the Early Years (Nghiên cứu giáo dục dựa trên nghệ thuật trong những năm đầu đời),* International Research in Early Childhood Education (Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế về Giáo dục Mầm non), 6(1), 62-78.

[5] Beghetto, R. A., Kaufman, J. C., & Baer, J. (2014), *Teaching for creativity in the common core classroom (Dạy học để phát triển sáng tạo trong lớp học theo Chuẩn cốt lõi chung)*, Teachers College Press (NXB Teachers College Press).

[6] OECD (2019), *OECD Future of Education and Skills 2030: Conceptual learning framework (Tương lai của Giáo dục và Kĩ* năng 2030: Khung *lí thuyết về học tập),* https://www.oecd.org/education/2030-project/.

MỘT SỐ LỖI PHÁT ÂM THƯỜNG GẶP...

Tiếp theo trang 142

6. Kết luận

Phát âm đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc học TA và khả năng nghe của người học. Nếu phát âm kém sẽ không có đủ tự tin để có thể giao tiếp hoặc không nhận diện được từ đó khi nghe. Vì vậy, việc luyện tập thường xuyên kỹ năng phát âm chuẩn và sửa lỗi phát âm TA cần được chú trọng cả về phía GV và SV trong quá trình dạy và học TA từ bậc phổ thông cho đến bậc đại học. Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, tổng hợp tính còn TA là thuộc loại hình ngôn ngữ hòa kết, phân tích tính. Trong TA, trọng âm đóng vai trò rất quan trọng còn trong tiếng Việt ngữ điệu lại cần thiết hơn. Âm tiết trong TA là âm tiết đơn tiết và đa tiết còn âm tiết trong tiếng Việt chỉ là đa tiết. Tất cả những khác biệt này cùng tạo nên những lỗi phát âm gây ra từ tiếng mẹ đẻ trong quá trình học TA. Việc nêu lên những lỗi thường gặp, xác định nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục tình trạng phát âm sai, tác giả mong muốn sẽ giúp GV và SV có cái nhìn đúng đắn hơn trong việc học phát âm, từ đó cải thiện được tình trạng phát âm sai của SV chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hạ Long.

Tài liệu tham khảo

[1] https://en.wikipedia.org/wiki/Pronunciation.

[2] Ur, Penny. (1996), *A Course in Language Teaching: Practice and Theory (Khóa học giảng dạy ngôn ngữ: Thực hành và lý thuyết),* Cambridge. London.

[3] Dalton Christiane. (1994), *Pronunciation (Cách phát âm),* Oxford University Press (NXB Đại học Oxford).

[4] Peter Roach. (1996), *English phonetics and phonology (Ngữ âm và âm vị học Tiếng Anh)*, Cambridge: Cambridge University Press (NXB Đại học Cambridge).

[5] Tang, M Giang. (2007), *Cross-linguistic analysis of Vietnamese and English with implications for Vietnamese language acquisition and maintenance in the United States (Phân tích liên ngôn ngữ Việt-Anh trong bối cảnh bảo tồn ngôn ngữ tại Mỹ),* Journal of Southeast Asian American Education and Advancement (Tạp chí Giáo dục và Phát triển của Người Mỹ gốc Đông Nam Á), No 2, pp. 1-33a.

[6] David, C. (2008), *A dictionary of linguistics and phonetics (Từ điển Ngôn ngữ học và ngữ âm)*, Oxford, England, UK: Blackwell. (NXB Oxford, Vương quốc Anh).

[7] Kenworthy, Joanne (1987), *Teaching English Pronunciation (Dạy phát âm tiếng Anh),* Longman (NXB Longman).

[8] Peter Roach. (1998), *English phonetics and phonology (Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh)*, Cambridge: Cambridge University Press. (NXB Đại học Cambridge).

[9] Đoàn Thiện Thuật (1999), *Ngữ Âm tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.